THỜI KHÓA BIỂU BUỔI SÁNG
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2019 - 2020

	TIẾT	THỜI GIAN	9/1	9/2	9/3	8/1	8/2
HAI	1	7h15 - 8h00	SINH HOẠT DƯỚI CỜ				
	2	8h5 - 8h50	Ngữ văn - Trang	Hóa - Diễm	Toán - Duyên	GDCD - Chen	Sinh - Hường
	3	8h55 - 9h40	Ngữ văn - Trang	Toán - Hạnh	Toán - Duyên	Địa - My	GDCD - Chen
	4	10h00 - 10h45	Sinh - Hường	Ngữ văn - Trang	Hóa - Diễm	Toán - Hạnh	Địa - My
	5	10h50 - 11h35	Hóa - Diễm	Ngữ văn - Trang	Địa - My	Sinh - Hường	Toán - Hạnh
BA	1	7h15 - 8h00	Anh văn - Xuân	Vật lý - Bé	Toán - Duyên	Mỹ thuật - Linh	Lịch sử - An
	2	8h5 - 8h50	Toán - Hào	Anh văn - Xuân	Vật lý - Bé	Lịch sử - An	Mỹ thuật - Linh
	3	8h55 - 9h40	Toán - Hào	Sinh - Hường	Mỹ thuật - Linh	Ngữ văn - Mỹ	Anh văn - Xuân
	4	10h00 - 10h45	Mỹ thuật - Linh	Ngữ văn - Trang	Anh văn - Xuân	Nhạc - Nghĩa	Vật lý - Bé
	5	10h50 - 11h35	Vật lý - Bé	Mỹ thuật - Linh	Sinh - Hường	Anh văn - Xuân	Nhạc - Nghĩa
TƯ	1	7h15 - 8h00	Ngữ văn - Cơ	Toán - Hạnh	Địa - My	Vật lý - Bé	CN - Huyền
	2	8h5 - 8h50	Địa - My	Toán - Hạnh	Ngữ văn - Trang	CN - Huyền	Ngữ văn - Mỹ
	3	8h55 - 9h40	CN - Huyền	Địa - My	Ngữ văn - Trang	Ngữ văn - Mỹ	Toán - Hạnh
	4	10h00 - 10h45	Toán - Hào	Sinh - Hường	CN - Huyền	Hóa - Lợi	Ngữ văn - Mỹ
	5	10h50 - 11h35	Toán - Hào	CN - Huyền	Sinh - Hường	Toán - Hạnh	Hóa - Lợi
NĂM	1	7h15 - 8h00	Ngữ văn - Cơ	Toán - Hạnh	Vật lý - Bé	Hóa - Lợi	Anh văn - Xuân
	2	8h5 - 8h50	Ngữ văn - Cơ	Anh văn - Xuân	Lịch sử - An	Toán - Hạnh	Hóa - Lợi
	3	8h55 - 9h40	Anh văn - Xuân	Vật lý - Bé	Ngữ văn - Trang	Lịch sử - An	Toán - Hạnh
	4	10h00 - 10h45	Vật lý - Bé	Ngữ văn - Cơ	Ngữ văn - Trang	Anh văn - Xuân	CN - Huyền
	5	10h50 - 11h35	Toán (BS) - Hào	Ngữ văn - Cơ	Anh văn - Xuân	CN - Huyền	Lịch sử - An
SÁU	1	7h15 - 8h00	Sinh - Hường	Anh văn - Xuân (BS)	Hóa - Diễm	Toán - Hạnh	Ngữ văn - Mỹ
	2	8h5 - 8h50	Địa - My	Toán (BS) - Hạnh	Anh văn - Xuân (BS)	Sinh - Hường	Ngữ văn - Mỹ
	3	8h55 - 9h40	Hóa - Diễm	Địa - My	Toán - Duyên	Ngữ văn - Mỹ	Toán - Hạnh
	4	10h00 - 10h45	Anh văn - Xuân (BS)	Hóa - Diễm	Toán (BS)- Duyên	Ngữ văn - Mỹ	Sinh - Hường
	5	10h50 - 11h35	SHL - Diễm	SHL - Hạnh	SHL - Duyên	SHL - Hường	SHL - My
BẢY	1	7h15 - 8h00	Nhạc - Nghĩa	GDCD - Chen	Ngữ văn - Trang	Anh văn - Xuân	TD - Phúc
	2	8h5 - 8h50	GDCD - Chen	Lịch sử - An	Nhạc - Nghĩa	TD - Phúc	Anh văn - Xuân
	3	8h55 - 9h40	Lịch sử - An	Nhạc - Nghĩa	GDCD - Chen		

THỜI KHÓA BIỂU BUỔI CHIỀU
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2019 - 2020

	TIẾT	THỜI GIAN	6/1	6/2	6/3	7/1	7/2
HAI	1	12h15- 13h	Vật lý - Huyền	CN - Diễm	Toán - Châu	Lịch sử - An	Ngữ văn - Trang
	2	13h5- 13h50	CN - Diễm	Vật lý - Huyền	Anh văn - Thiết	Ngữ văn - Trang	Lịch sử - An
	3	13h55- 14h40	Ngữ văn - Trang	Toán - Châu	Sinh - Diễm	Nhạc - Nghĩa	Anh văn - Thiết
	4	15h00- 15h45	Ngữ văn - Trang	Toán - Châu	Vật lý - Huyền	Anh văn - Thiết	Nhạc - Nghĩa
	5	15h50 - 16h35	SINH HOẠT DƯỚI CỜ				
BA	1	12h15- 13h	Mỹ thuật - Linh	Ngữ văn - Trang	GDCD - Chen	Toán - Hào	Địa - My
	2	13h5- 13h50	GDCD - Chen	Ngữ văn - Trang	Địa - My	Toán - Hào	Sinh - Hường
	3	13h55- 14h40	Anh văn - Thiết	Địa - My	Ngữ văn - Trang	Sinh - Hường	GDCD - Chen
	4	15h00- 15h45	Toán - Duyên	Anh văn - Thiết	Ngữ văn - Trang	GDCD - Chen	Toán - Hào
	5	15h50 - 16h35	Toán - Duyên	GDCD - Chen	Anh văn - Thiết	Địa - My	Ngữ văn - Trang
TƯ	1	12h15- 13h	Sinh - Lợi	Ngữ văn - Trang	CN - Châu	Địa - My	Toán - Hào
	2	13h5- 13h50	Địa - My	Ngữ văn - Trang	Sinh - Diễm	Sinh - Hường	Mỹ thuật - Linh
	3	13h55- 14h40	CN - Diễm	Sinh - Lợi	Mỹ thuật - Linh	Ngữ văn - Trang	Sinh - Hường
	4	15h00- 15h45	Tin học - Lợi (P2)	Mỹ thuật - Linh	Tin học - Nhàn (P1)	Ngữ văn - Trang	Địa - My
	5	15h50 - 16h35	Tin học - Lợi (P2)	CN - Diễm	Tin học - Nhàn (P1)	Mỹ thuật - Linh	Ngữ văn - Trang
NĂM	1	12h15- 13h	Anh văn - Thiết	Tin học - Lợi (P2)	Lịch sử - An	Toán - Hào	Ngữ văn - Trang
	2	13h5- 13h50	Lịch sử - An	Tin học - Lợi (P2)	Ngữ văn - Trang	Toán - Hào	Anh văn - Thiết
	3	13h55- 14h40	Sinh - Lợi	Lịch sử - An	Anh văn - Thiết	Ngữ văn - Trang	Toán - Hào
	4	15h00- 15h45	Toán - Duyên	Sinh - Lợi	CN - Châu	Anh văn - Thiết	Toán - Hào
	5	15h50 - 16h35	Toán - Duyên	Anh văn - Thiết	Toán - Châu		
SÁU	1	12h15- 13h	Ngữ văn - Trang	Nhạc - Nghĩa	Toán - Châu	Vật lý - Bé	Anh văn - Thiết
	2	13h5- 13h50	Ngữ văn - Trang	Anh văn - Thiết	Toán - Châu	Lịch sử - An	Vật lý - Bé
	3	13h55- 14h40	Anh văn - Thiết	Toán - Châu	Nhạc - Nghĩa	CN - Huyền	Lịch sử - An
	4	15h00- 15h45	Nhạc - Nghĩa	Toán - Châu	Ngữ văn - Trang	Anh văn - Thiết	CN - Huyền
	5	15h50 - 16h35	SHL - Huyền	SHL - Thiết	SHL - Châu	SHL - Nghĩa	SHL - An

THỜI KHÓA BIỂU DẠY THÊM - TRÁI BUỔI
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2019 - 2020

	TIẾT	THỜI GIAN	6/1	6/2	6/3	7/1	7/2
HAI	1	7h15 - 8h00					
	2	8h5 - 8h50				Thể dục - Phúc	NGLL - Tuyền
	3	8h55 - 9h40	Học thêm môn Tiếng anh - Thầy Thiết - Phòng 8(THCS)			NGLL - Tuyền	Thể dục - Phúc
	4	10h00 - 10h45					
	5	10h50 - 11h35					
BA	1	7h15 - 8h00				HT Toán - Thầy Nhàn - P8(THCS)	
	2	8h5 - 8h50					
	3	8h55 - 9h40	Học thêm môn Toán - Cô Châu - Phòng 8(THCS)			HT Tiếng anh - Thầy Thiết - PTV(TH)	
	4	10h00 - 10h45					
	5	10h50 - 11h35					
TƯ	1	7h15 - 8h00		NGLL - Châu - P8		Thể dục - Phúc	Tin học - Nhàn
	2	8h5 - 8h50	NGLL - Châu - P8	Thể dục - Phúc			Tin học - Nhàn
	3	8h55 - 9h40	Thể dục - Phúc		NGLL - Châu - P8	Tin học - Nhàn	
	4	10h00 - 10h45			Thể dục - Phúc	Tin học - Nhàn	
	5	10h50 - 11h35					
NĂM	1	7h15 - 8h00					
	2	8h5 - 8h50					
	3	8h55 - 9h40	Học thêm môn Toán - Cô Châu - Phòng 8(THCS)				
	4	10h00 - 10h45					
	5	10h50 - 11h35					
SÁU	1	7h15 - 8h00	Thể dục - Phúc				
	2	8h5 - 8h50		Thể dục - Phúc		HT môn Toán - Thầy Nhàn - P8(THCS)	
	3	8h55 - 9h40			Thể dục - Phúc		
	4	10h00 - 10h45					Thể dục - Phúc
	5	10h50 - 11h35					

THỜI KHÓA BIỂU DẠY THÊM - TRÁI BUỔI
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2019 - 2020

	TIẾT	THỜI GIAN	9/1	9/2	9/3	8/1	8/2
HAI	**1**	**12h15- 13h**					
	2	**13h5- 13h50**	Anh văn - Xuân - P5(TH)	Toán - Hạnh - P6 (TH)	Tin học - Nhàn	Hóa học - Thầy Lợi - P8 (THCS)	
	3	**13h55- 14h40**	Anh văn - Xuân - P5(TH)	Toán - Hạnh - P6 (TH)	Tin học - Nhàn		
	4	**15h00- 15h45**	Tin học - Nhàn	AV - Xuân - P6 (TH)	Toán - Duyên - P8 (TH)	Toán - Hạnh - P8(THCS)	
	5	**15h50 - 16h35**	Tin học - Nhàn	AV - Xuân - P6 (TH)	Toán - Duyên - P8 (TH)		
BA	**1**	**12h15- 13h**					
	2	**13h5- 13h50**	Học thêm Hóa - Cô Diễm - P8 (THCS)			Toán - Hạnh - PTV(TH)	
	3	**13h55- 14h40**					
	4	**15h00- 15h45**		Toán - Hạnh - P5 (TH)	AV - Xuân - P8(THCS)	Hóa học - Thầy Lợi -PTV (TH)	
	5	**15h50 - 16h35**		Toán - Hạnh - P5 (TH)	AV - Xuân - P8(THCS)		
TƯ	**1**	**12h15- 13h**					
	2	**13h5- 13h50**	Thể dục - Phúc	NGLL/HN - Châu/ Vũ		Tin học - Nhàn	
	3	**13h55- 14h40**	NGLL/HN - Châu/ Vũ	Thể dục - Phúc		Tin học - Nhàn	
	4	**15h00- 15h45**	Toán - Hào - P8 (THCS)		NGLL/HN - Châu/ Vũ	Thể dục - Phúc	
	5	**15h50 - 16h35**	Toán - Hào - P8 (THCS)		Thể dục - Phúc	NGLL - Tuyền	
NĂM	**1**	**12h15- 13h**					
	2	**13h5- 13h50**			Toán - Duyên - P8 (THCS)	Anh văn - Xuân - P5 (TH)	
	3	**13h55- 14h40**			Toán - Duyên - P8 (THCS)		
	4	**15h00- 15h45**	Học thêm Hóa - Cô Diễm - P8 (THCS)				
	5	**15h50 - 16h35**					
SÁU	**1**	**12h15- 13h**					
	2	**13h5- 13h50**	Toán - Hào - P8 (THCS)	Tin học - Nhàn	Thể dục - Phúc		NGLL - Tuyền
	3	**13h55- 14h40**	Toán - Hào - P8 (THCS)	Tin học - Nhàn			Thể dục - Phúc
	4	**15h00- 15h45**		Thể dục - Phúc			Tin học - Nhàn
	5	**15h50 - 16h35**	Thể dục - Phúc				Tin học - Nhàn
BẢY	**1**	**7h15 - 8h00**					
	2	**8h5 - 8h50**					
	3	**8h55 - 9h40**					
	4	**10h00 - 10h45**	Học thêm Hóa - Cô Diễm - P8 (THCS)				
	5	**10h50 - 11h35**					

THỜI KHÓA BIỂU BUỔI SÁNG
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2019 - 2020

	TIẾT	THỜI GIAN	9/1	9/2	9/3	8/1	8/2
HAI	1	7h15 - 8h00	SINH HOẠT DƯỚI CỜ				
	2	8h5 - 8h50	Ngữ văn - Cơ	Hóa - Diễm	Toán - Duyên	GDCD - Chen	Sinh - Hường
	3	8h55 - 9h40	Ngữ văn - Cơ	Toán - Hạnh	Toán - Duyên	Địa - My	GDCD - Chen
	4	10h00 - 10h45	Sinh - Hường	Ngữ văn - Cơ	Hóa - Diễm	Toán - Hạnh	Địa - My
	5	10h50 - 11h35	Hóa - Diễm	Ngữ văn - Cơ	Địa - My	Sinh - Hường	Toán - Hạnh
BA	1	7h15 - 8h00	Anh văn - Xuân	Vật lý - Bé	Toán - Duyên	Mỹ thuật - Linh	Lịch sử - An
	2	8h5 - 8h50	Toán - Hào	Anh văn - Xuân	Vật lý - Bé	Lịch sử - An	Mỹ thuật - Linh
	3	8h55 - 9h40	Toán - Hào	Sinh - Hường	Mỹ thuật - Linh	Ngữ văn - Mỹ	Anh văn - Xuân
	4	10h00 - 10h45	Mỹ thuật - Linh	Ngữ văn - Cơ	Anh văn - Xuân	Nhạc - Nghĩa	Ngữ văn - Mỹ
	5	10h50 - 11h35	Vật lý - Bé	Mỹ thuật - Linh	Sinh - Hường	Anh văn - Xuân	Nhạc - Nghĩa
TƯ	1	7h15 - 8h00	Ngữ văn - Cơ	Toán - Hạnh	Địa - My	Vật lý - Bé	CN - Huyền
	2	8h5 - 8h50	Địa - My	Toán - Hạnh	Ngữ văn - Trang	CN - Huyền	Vật lý - Bé
	3	8h55 - 9h40	CN - Huyền	Địa - My	Ngữ văn - Trang	Ngữ văn - Mỹ	Toán - Hạnh
	4	10h00 - 10h45	Toán - Hào	Sinh - Hường	CN - Huyền	Hóa - Lợi	Ngữ văn - Mỹ
	5	10h50 - 11h35	Toán - Hào	CN - Huyền	Sinh - Hường	Toán - Hạnh	Hóa - Lợi
NĂM	1	7h15 - 8h00	Ngữ văn - Cơ	Toán - Hạnh	Vật lý - Bé	Hóa - Lợi	Anh văn - Xuân
	2	8h5 - 8h50	Ngữ văn - Cơ	Anh văn - Xuân	Lịch sử - An	Toán - Hạnh	Hóa - Lợi
	3	8h55 - 9h40	Anh văn - Xuân	Vật lý - Bé	Ngữ văn - Trang	Lịch sử - An	Toán - Hạnh
	4	10h00 - 10h45	Vật lý - Bé	Ngữ văn - Cơ	Ngữ văn - Trang	Anh văn - Xuân	CN - Huyền
	5	10h50 - 11h35	Toán (BS) - Hào	Ngữ văn - Cơ	Anh văn - Xuân	CN - Huyền	Lịch sử - An
SÁU	1	7h15 - 8h00	Sinh - Hường	Anh văn - Xuân (BS)	Hóa - Diễm	Toán - Hạnh	Ngữ văn - Mỹ
	2	8h5 - 8h50	Địa - My	Toán (BS) - Hạnh	Anh văn - Xuân (BS)	Sinh - Hường	Ngữ văn - Mỹ
	3	8h55 - 9h40	Hóa - Diễm	Địa - My	Toán - Duyên	Ngữ văn - Mỹ	Toán - Hạnh
	4	10h00 - 10h45	Anh văn - Xuân (BS)	Hóa - Diễm	Toán (BS)- Duyên	Ngữ văn - Mỹ	Sinh - Hường
	5	10h50 - 11h35	SHL - Diễm	SHL - Hạnh	SHL - Duyên	SHL - Hường	SHL - My
BẢY	1	7h15 - 8h00	Nhạc - Nghĩa	GDCD - Chen	Ngữ văn - Trang	Anh văn - Xuân	TD - Phúc
	2	8h5 - 8h50	GDCD - Chen	Lịch sử - An	Nhạc - Nghĩa	TD - Phúc	Anh văn - Xuân
	3	8h55 - 9h40	Lịch sử - An	Nhạc - Nghĩa	GDCD - Chen		